

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 10 – 11 – 2021
V/v “tranh chấp về Hôn nhân và
gia đình ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Thủy.
2. Ông Phan Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: không.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 00, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 22/02/2021, Biên bản phiên họp ngày 15/7/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2010. Sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã 2, huyện Thanh Bình,

tỉnh Đồng Tháp ngày 27/3/2012. Trước khi kết hôn anh chị do quen biết, tìm hiểu nhau khoảng 04 tháng. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Trong thời gian chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 05/2018 cho đến nay và vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Nay chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

+ *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q có một con chung là Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2011. Hiện cháu Yến N đang sống với chị T. Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2011 đến khi thành niên. Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị T hiện làm công ty may, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000đ.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Q không có ý kiến trình bày.*

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện; Trích lục kết hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q; Giấy khai sinh của Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2011; Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của chị Nguyễn Thị T; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện; Đơn xin vắng mặt của chị Nguyễn Thị T; Bản ý kiến của con chưa thành niên; Xác nhận công an về nơi cư trú bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Văn Q cư trú tại số 00/E, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T là đúng theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 vụ án được xét xử vào lúc 14 giờ 00 ngày 10 tháng 11 năm 2021, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn Q là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q do quen biết, tìm hiểu nhau nên tổ chức đám cưới vào năm 2010 và đăng ký kết hôn tại UBND xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp ngày 27/3/2012. Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T xác định: Trong thời gian chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được, Anh, chị đã sống ly thân từ tháng 05/2018 cho đến nay và không còn tình cảm với nhau, chị T cương quyết ly hôn. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Nguyễn Văn Q là phù hợp.

[2.2] Về con chung:Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2011 đang sống với chị T. Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2011 đến khi thành niên. Điều kiện kinh tế để nuôi con, chị T chứng minh hiện nay chị T hiện làm công ty may, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000đ. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu Yến N và tránh việc thay đổi môi trường sống cho cháu. Đồng thời nguyện vọng của cháu Yến N là được sống với chị T. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị T. Giao cháu Yến N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Nguyễn Văn Q không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T xác định chị và anh Nguyễn Văn Q không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của anh Nguyễn Văn Q, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2011 cho chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Nguyễn Văn Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0014444 ngày 27/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 2;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Trinh